

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX
(BECAMEX ACC)
Số: 20/2015/CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 29 tháng 08 năm 2015

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi: -ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
-SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Mã chứng khoán: ACC

Địa chỉ trụ sở chính: Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3567.200

Fax: 0650.3567.201

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Hồng Tuyên**, Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ: Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3567.200

Fax: 0650.3567.201

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin "Báo cáo tài chính giữa niên độ -6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015" và "Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ - 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015"

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/08/2015 tại đường dẫn: www.becamexacc.com.vn/vi/quan-he-co-dong.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX
TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN HỒNG TUYÊN



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BÊ TÔNG BECAMEX**



an independent member of

**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|--------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kết quả công tác soát xét | 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 13 - 44 |
| 8. Phụ lục | 45 - 48 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần bê tông Becamex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần bê tông Becamex là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xi nghiệp sản xuất bê tông cốt thép và bê tông nhựa nóng trực thuộc Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên) theo Quyết định số 631/QĐ – UBND ngày 05 tháng 3 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 6 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 19 tháng 6 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : (84 - 650) 3 567 200
- Fax : (84 - 650) 3 567 201

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thi công, xây dựng các công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật, thi công xây dựng các công trình thủy lợi.
- Sản xuất công bê tông cốt thép các loại, sản xuất bê tông nhựa nóng các loại, sản xuất bê tông xi măng các loại, sản xuất cấu kiện đúc sẵn, sản xuất gạch không nung, sản xuất gạch bê tông, gạch tự chèn, gạch block, gạch trồng cỏ, gạch terrazzo.
- Mua bán công bê tông cốt thép các loại; bê tông xi măng, nhựa nóng các loại, cấu kiện đúc sẵn, các loại vật liệu xây dựng, các cấu kiện kim loại, các sản phẩm cơ khí.
- Thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp.
- Thi công, xây dựng các công trình giao thông.
- Thi công lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và điều hòa không khí.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Cho thuê xe máy, thiết bị.
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Gia công cơ khí (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại).
- Sản xuất các cấu kiện kim loại.
- San lấp mặt bằng.
- Xây dựng nền móng, đóng cọc, ép cọc, thi công cấu kiện đúc sẵn, dịch vụ cầu lắp.
- Cất và hoàn thiện đá xây dựng.
- Mua bán hóa chất công nghiệp và phụ gia bê tông xi măng (trừ hóa chất hàng 1 theo Công ước quốc tế).
- Bán buôn các loại khoáng sản phi kim loại như: đá, đất sét, cát, cao lanh, than bùn.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Mua bán mặt hàng trang trí nội thất.
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh).
- Sửa chữa máy móc, thiết bị.
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- Chế biến các loại khoáng sản phi kim loại như: đá, đất sét, cát, cao lanh, than bùn.
- Trồng cây đô thị.
- Phá dỡ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|--------------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Trương Đức Hùng | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Văn Thanh Huy | Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2015 |
| Ông Quảng Văn Việt Cường | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013 |
| Ông Huỳnh Vĩnh Thành | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013 |
| Ông Nguyễn Danh Tùng | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013 |
| Bà Phạm Thị Sương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2015 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|--------------------------|------------|---------------------------------------|
| Bà Châu Thị Vân | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013 |
| Bà Ngô Thị Minh Loan | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----------------------|-------------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Hồng Tuyên | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2015 |
| Ông Trương Đức Hùng | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2015 |
| Bà Phạm Thị Sương | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2014 |
| Ông Nguyễn Xuân Cường | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2014 |

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----------------------|---------------|-------------------------------------|
| Ông Nguyễn Hồng Tuyên | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2015 |
| Ông Trương Đức Hùng | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2015 |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,




Nguyễn Hồng Tuyên
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2015





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Du Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0760/2015/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty cổ phần bê tông Becamex (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập ngày 15 tháng 8 năm 2015, từ trang 06 đến trang 48 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của các công ty trong Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1



Phạm Hoa Đăng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0954-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 206.358.553.924 | 249.492.149.720 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 40.899.830.907 | 39.481.629.482 |
| 1. Tiền | 111 | | 28.899.830.907 | 33.481.629.482 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 12.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 109.162.223.839 | 165.423.545.443 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 108.464.954.791 | 165.233.318.975 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 338.498.996 | 332.464.696 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4a | 751.513.065 | 337.504.785 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.5 | (479.743.013) | (479.743.013) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | 87.000.000 | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.6 | 52.943.382.706 | 40.410.214.010 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 53.023.756.498 | 40.503.939.943 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (80.373.792) | (93.725.933) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 3.353.116.472 | 4.176.760.785 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | 3.336.537.933 | 3.483.331.437 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | 562.350.581 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.15 | 16.578.539 | 131.078.767 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 81.719.862.261 | 85.937.584.272 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 2.043.572.400 | 2.043.572.400 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.4b | 2.043.572.400 | 2.043.572.400 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 51.991.423.440 | 55.897.092.465 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 36.954.255.334 | 40.280.743.929 |
| - Nguyên giá | 222 | | 161.092.065.376 | 158.516.444.751 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (124.137.810.042) | (118.235.700.822) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 15.037.168.106 | 15.616.348.536 |
| - Nguyên giá | 228 | | 22.226.906.882 | 21.982.406.882 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (7.189.738.776) | (6.366.058.346) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 44.385.160 | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | 44.385.160 | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 26.547.500.000 | 26.547.500.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.11 | 26.547.500.000 | 26.547.500.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.092.981.261 | 1.449.419.407 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7b | 641.381.702 | 759.293.238 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.12 | 451.599.559 | 690.126.169 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 288.078.416.185 | 335.429.733.992 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | |
|---|------------|-------------|-----------------------|------------------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 75.026.491.082 | 111.323.361.257 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 73.505.847.459 | 108.629.160.912 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13 | 51.324.550.842 | 87.284.855.314 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.14 | 1.437.828.905 | 1.770.079.839 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.15 | 4.187.108.537 | 6.024.951.456 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.16 | 2.768.936.811 | 2.917.233.103 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.17 | 2.245.104.371 | 2.294.584.501 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.18a | 3.721.239.728 | 2.199.206.556 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.19 | 7.821.078.265 | 4.093.527.934 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.20 | - | 2.044.722.209 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 1.520.643.623 | 2.694.200.345 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.18b | 207.270 | 1.248.497.712 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | V.21 | 1.520.436.353 | 1.445.702.633 |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 213.051.925.103 | 224.106.372.735 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 213.051.925.103 | 224.106.372.735 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.22 | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.22 | 1.527.143.181 | 1.527.143.181 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | V.22 | 9.055.511.950 | 9.055.511.950 |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.22 | 52.930.354.483 | 52.868.558.513 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.22 | 24.820.999.879 | 36.546.304.379 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 11.343.683.665 | 36.546.304.379 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 13.477.316.214 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | V.23 | 24.717.915.610 | 24.108.854.712 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 288.078.416.185 | 335.429.733.992 |

Bình Dương, ngày 15 tháng 8 năm 2015


Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thúy Vân
Kế toán trưởng




Nguyễn Hồng Tuyên
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

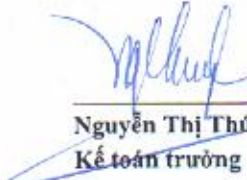
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 157.623.619.936 | 134.601.885.893 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 127.394.336 | 12.056.600 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 157.496.225.600 | 134.589.829.293 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 117.272.027.863 | 109.692.717.639 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 40.224.197.737 | 24.897.111.654 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 304.494.605 | 3.445.648.102 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 233.967.481 | - |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 233.967.481 | - |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 10.561.922.930 | 3.578.875.457 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 8.837.240.400 | 5.205.657.774 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 20.895.561.531 | 19.558.226.525 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 179.417.496 | 711.073.661 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 102.343.049 | 27.758 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 77.074.447 | 711.045.903 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 20.972.635.978 | 20.269.272.428 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.15 | 3.045.470.169 | 1.698.710.645 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | V.12 | 238.526.610 | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>17.688.639.199</u> | <u>18.570.561.783</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | <u>15.472.882.437</u> | <u>18.570.561.783</u> |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | <u>2.215.756.762</u> | - |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | V.9a, b | <u>1.314</u> | <u>1.578</u> |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | V.9a, b | <u>1.314</u> | <u>1.578</u> |

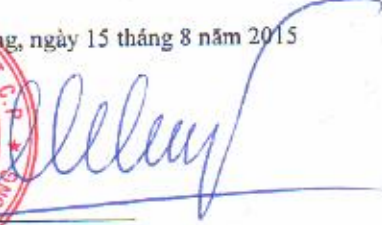


Bình Dương, ngày 15 tháng 8 năm 2015


Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thúy Vân
Kế toán trưởng




Nguyễn Hồng Tuyên
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 20.972.635.978 | 20.269.272.428 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.8, 9 | 6.725.789.650 | 4.548.168.565 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.6, 21 | 61.381.579 | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI. 4 | (222.590.278) | (4.057.508.550) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 233.967.481 | - |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 27.771.184.410 | 20.759.932.443 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 61.204.462.702 | 42.288.275.208 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (12.519.816.555) | (2.908.719.436) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (45.070.705.378) | 9.145.960.783 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 264.705.040 | 5.438.424 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (244.201.301) | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.15 | (2.337.167.100) | (1.894.267.915) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.20 | (4.422.974.387) | (3.257.365.096) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 24.645.487.431 | 64.139.254.411 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (2.299.976.615) | (1.849.142.038) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 1.454.545.455 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | (46.119.512.893) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 222.590.278 | 839.522.222 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (2.077.386.337) | (45.674.587.254) |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.19 | 9.755.962.685 | - |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.19 | (6.028.412.354) | - |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (24.877.450.000) | (7.832.988.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (21.149.899.669) | (7.832.988.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 1.418.201.425 | 10.631.679.157 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 39.481.629.482 | 50.969.275.532 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 40.899.830.907 | 61.600.954.689 |

Bình Dương, ngày 15 tháng 8 năm 2015


Văn Thị Anh Đào
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Thúy Vân
 Kế toán trưởng




Nguyễn Hồng Tuyên
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần bê tông Becamex (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là: sản xuất kinh doanh công bê tông cốt thép, bê tông nhựa nóng, bê tông xi măng các loại; Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật; Khai thác khoáng sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các công ty con được hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|------------------------------------|---|-----------------------------|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Công ty cổ phần khoáng sản Becamex | xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương | Khai thác khoáng sản | 74,66% | 74,66% | 74,66% | 74,66% |
| Công ty cổ phần đá ọp lát An Bình | ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương | Cắt tạo đá và hoàn thiện đá | 44,80% | 44,80% | 60,00% | 60,00% |

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Các qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Tập đoàn và Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 365 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 365 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Chi phí vật tư, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế

Các chi phí vật tư, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí vận chuyển đá

Chi phí vận chuyển đá được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Các chi phí trả trước ngắn hạn khác

Các chi phí trả trước ngắn hạn khác bao gồm chi phí bảo hiểm, quảng cáo, đồng phục cho nhân viên, sửa chữa... được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí giải phóng mặt bằng khai thác đá khối

Chi phí giải phóng mặt bằng khai thác đá khối được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 02 năm.

Chi phí gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản

Chi phí gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giấy phép khai thác khoáng sản là 05 năm.

Chi phí bản quyền phần mềm

Chi phí phần mềm diệt virus Kaspersky được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Các chi phí trả trước dài hạn khác

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí thiết kế, thẩm định khuôn công hợp, sửa chữa hàng rào, chi phí dịch vụ internet, chi phí bảo trì thiết bị trạm biến áp ... được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05-15 |
| Máy móc và thiết bị | 02-10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03-10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 02-08 |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 06 |

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Tập đoàn trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất (42 năm).

Tiêu chuẩn kỹ thuật công

Chi phí cho các hoạt động triển khai liên quan đến việc ứng dụng những kết quả nghiên cứu tiêu chuẩn kỹ thuật công vào để sản xuất sản phẩm công các loại. Chi phí này được khấu hao trong 08 năm.

Chi phí khảo sát, thiết kế, thăm dò trữ lượng đá

Chi phí khảo sát, thiết kế, thăm dò trữ lượng đá... để tiến hành khai thác mỏ đá. Chi phí này được khấu hao theo thời gian của giấy phép khai thác khoáng sản.

Quyền khai thác khoáng sản

Nguyên giá ban đầu của quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khoáng sản đã xây dựng được phép khai thác từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến thời hạn theo giấy phép (có thể được điều chỉnh sản lượng theo thực tế hoặc gia hạn thời gian giấy phép). Chi phí này được khấu hao theo sản lượng khai thác thực tế.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao như sau:

| <u>Loại phần mềm máy tính</u> | <u>Số năm</u> |
|----------------------------------|---------------|
| Phần mềm kế toán doanh nghiệp | 08 |
| Website ACC | 02 |
| Chương trình sản xuất kinh doanh | 05 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại (nếu có) được phân bổ theo phương pháp đường thẳng. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Dự phòng phải trả

Dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng phải trả của Tập đoàn là dự phòng cho việc cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác khoáng sản. Khoản dự phòng này được trích theo số tiền ký quỹ mà Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương đã thông báo, chi phí này được trích theo phương pháp đường thẳng suốt thời gian khai thác. Khi cải tạo, phục hồi môi trường xong, khoản dự phòng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của từng công ty trong Tập đoàn cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 309.347.408 | 128.742.605 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 28.590.483.499 | 33.352.886.877 |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | 12.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| Cộng | <u>40.899.830.907</u> | <u>39.481.629.482</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Bình Dương là 402.614.606 VND (số đầu năm là 0 VND) và tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Bình Dương là 270.809.290 VND (số đầu năm là 0 VND) bị hạn chế sử dụng để đảm bảo cho việc ngân hàng phát hành Thư bảo lãnh cho Tập đoàn.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 83.614.219.680 | 148.315.260.477 |
| Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên | 56.390.248.599 | 121.720.757.962 |
| Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương | 7.767.101.772 | 14.176.925.576 |
| Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật | 257.177.118 | 1.719.347.782 |
| Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương | 18.382.838.782 | 9.562.412.740 |
| Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex | - | 2.150.005 |
| Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt | 777.401.383 | 1.045.938.351 |
| Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước – môi trường Bình Dương | 39.452.026 | 87.728.061 |
| Phải thu các khách hàng khác | 24.850.735.111 | 16.918.058.498 |
| Cộng | 108.464.954.791 | 165.233.318.975 |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Công ty TNHH kỹ thuật Đồng Thuận Phát | 180.125.000 | - |
| Công ty TNHH xây lắp Nhơn Nghĩa Thành | 63.525.000 | - |
| Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C | - | 149.000.000 |
| Công ty TNHH Minh Long I | - | 44.467.500 |
| Công ty cổ phần phần mềm Bravo | - | 84.750.000 |
| Các khách hàng khác | 94.848.996 | 54.247.196 |
| Cộng | 338.498.996 | 332.464.696 |

4. Phải thu khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|--------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt (xem thuyết minh số V.20) | 415.633.156 | - | 121.653.867 | - |
| Tạm ứng | 309.315.653 | - | 142.620.937 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 26.564.256 | - | 73.229.981 | - |
| Cộng | 751.513.065 | - | 337.504.785 | - |

4b. Phải thu dài hạn khác

Tiền ký quỹ phục hồi môi trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5. Nợ xấu**

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|--|----------------------|----------------------|------------------------|-------------------------|--------------------|------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Tân Hùng Phát – Phải thu tiền bán hàng | Trên 3 năm | 173.194.526 | - | Trên 3 năm | 173.194.526 | - |
| Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng Lộc Hoàng Gia – Phải thu tiền bán hàng | Trên 3 năm | 95.089.291 | - | Trên 3 năm | 95.089.291 | - |
| Xí nghiệp đầu tư và xây dựng hạ tầng 539 | | - | - | Trên 3 năm | 154.669.695 | - |
| Công ty TNHH thương mại xây dựng cầu đường Trương Hoàng Long – Phải thu tiền bán hàng | Trên 1 - 2 năm | 189.298.335 | 94.649.168 | Từ 6 tháng - dưới 1 năm | 189.298.335 | 132.508.834 |
| Công ty TNHH dịch vụ thương mại sản xuất - xây dựng Đông Mê Kông – Phải thu tiền bán hàng | Từ 6 tháng đến 1 năm | 797.078.879 | 724.365.678 | | - | - |
| Phải thu các tổ chức khác | Từ 2 - trên 3 năm | 88.628.001 | 44.531.173 | | - | - |
| Cộng | | 1.343.289.032 | 863.546.019 | | 612.251.847 | 132.508.834 |

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|-----------------------|---------------------|-----------------------|---------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 12.861.337.239 | - | 13.667.300.971 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 567.673.784 | - | 67.336.689 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 23.622.165.561 | - | 9.485.246.937 | - |
| Thành phẩm | 15.859.077.611 | (80.373.792) | 17.192.157.567 | (93.725.933) |
| Hàng hóa | 33.193.450 | - | 37.591.759 | - |
| Hàng gửi đi bán | 80.308.853 | - | 54.306.020 | - |
| Cộng | 53.023.756.498 | (80.373.792) | 40.503.939.943 | (93.725.933) |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | |
|--------------------|---------------------|
| Số đầu năm | (93.725.933) |
| Hoàn nhập dự phòng | 13.352.141 |
| Số cuối kỳ | (80.373.792) |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Chi phí vật tư, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế | 1.499.696.363 | 3.012.401.490 |
| Chi phí vận chuyển đá | 657.550.867 | 267.084.945 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 1.179.290.703 | 203.845.002 |
| Cộng | 3.336.537.933 | 3.483.331.437 |

7b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|--------------------|--------------------|
| Chi phí giải phóng mặt bằng khai thác đá khối | 214.900.528 | 263.584.142 |
| Chi phí gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản | - | 94.122.500 |
| Chi phí bản quyền phần mềm | 31.759.162 | 50.814.664 |
| Công cụ dụng cụ | 194.548.305 | 277.824.652 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 200.173.707 | 72.947.280 |
| Cộng | 641.381.702 | 759.293.238 |

8. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định hữu hình khác | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|-------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 20.111.499.342 | 91.926.822.082 | 44.304.520.785 | 1.829.836.361 | 343.766.181 | 158.516.444.751 |
| Mua sắm mới | 379.529.170 | 775.196.000 | 1.420.895.455 | - | - | 2.575.620.625 |
| Số cuối kỳ | 20.491.028.512 | 92.702.018.082 | 45.725.416.240 | 1.829.836.361 | 343.766.181 | 161.092.065.376 |
| Trong đó: | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 851.747.051 | 38.398.423.641 | 22.946.641.446 | 342.766.902 | - | 62.539.579.040 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 10.749.191.953 | 71.740.908.514 | 34.535.285.795 | 1.087.794.976 | 122.519.584 | 118.235.700.822 |
| Khấu hao trong kỳ | 989.988.376 | 3.469.055.183 | 1.324.164.592 | 92.693.132 | 26.207.937 | 5.902.109.220 |
| Số cuối kỳ | 11.739.180.329 | 75.209.963.697 | 35.859.450.387 | 1.180.488.108 | 148.727.521 | 124.137.810.042 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 9.362.307.389 | 20.185.913.568 | 9.769.234.990 | 742.041.385 | 221.246.597 | 40.280.743.929 |
| Số cuối kỳ | 8.751.848.183 | 17.492.054.385 | 9.865.965.853 | 649.348.253 | 195.038.660 | 36.954.255.334 |
| Trong đó: | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 7.644.066.343 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

| | Tiêu chuẩn kỹ thuật công | Phần mềm máy tính | Quyền sử dụng đất | Quyền khai thác khoáng sản | Chi phí khảo sát, thiết kế, thăm dò trữ lượng đá | Cộng |
|---------------------------------------|--------------------------|--------------------|-----------------------|----------------------------|--|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 542.840.908 | 605.759.800 | 11.769.135.713 | 6.242.488.560 | 2.822.181.901 | 21.982.406.882 |
| Mua sắm mới | - | 244.500.000 | - | - | - | 244.500.000 |
| Số cuối kỳ | 542.840.908 | 850.259.800 | 11.769.135.713 | 6.242.488.560 | 2.822.181.901 | 22.226.906.882 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 174.659.090 | 70.610.000 | - | - | 2.822.181.901 | 3.067.450.991 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 376.755.220 | 268.077.043 | 1.771.375.017 | 1.127.669.165 | 2.822.181.901 | 6.366.058.346 |
| Khấu hao trong kỳ | 40.575.756 | 48.999.472 | 123.429.144 | 610.676.058 | - | 823.680.430 |
| Số cuối kỳ | 417.330.976 | 317.076.515 | 1.894.804.161 | 1.738.345.223 | 2.822.181.901 | 7.189.738.776 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 166.085.688 | 337.682.757 | 9.997.760.696 | 5.114.819.395 | - | 15.616.348.536 |
| Số cuối kỳ | 125.509.932 | 533.183.285 | 9.874.331.552 | 4.504.143.337 | - | 15.037.168.106 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ | Kết chuyển giảm khác | Số cuối kỳ |
|-------------------------|------------|----------------------------|------------------------------|----------------------|-------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | - | 741.895.455 | (741.895.455) | - | - |
| Xây dựng cơ bản dở dang | - | 69.361.160 | - | (24.976.000) | 44.385.160 |
| Cộng | - | 811.256.615 | (741.895.455) | (24.976.000) | 44.385.160 |

11. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị sau:

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước ⁽ⁱ⁾ | 24.900.000.000 | - | 24.900.000.000 | - |
| Công ty cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾ | 1.647.500.000 | - | 1.647.500.000 | - |
| Cộng | 26.547.500.000 | - | 26.547.500.000 | - |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700696042 ngày 06 tháng 6 năm 2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 23 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước 2.490.000 cổ phiếu, tương đương 12,45% vốn điều lệ.

(ii) Tập đoàn đầu tư vào Công ty cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi Bình Dương 65.900 cổ phiếu, chiếm 10,98% vốn điều lệ.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do chưa có hướng dẫn cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|---------------------------|--------------------|---|--------------------|
| Các chi phí phải trả | 372.071.590 | (254.968.029) | 117.103.561 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 318.054.579 | 16.441.419 | 334.495.998 |
| Cộng | 690.126.169 | (238.526.610) | 451.599.559 |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 22% (năm trước thuế suất là 22%).

13. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>2.061.814.574</i> | <i>6.778.777.482</i> |
| Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên | 1.098.985.084 | 2.946.120.214 |
| Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương | 943.544.490 | 3.822.228.638 |
| Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex | 4.285.000 | 7.950.000 |
| Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex | 15.000.000 | 2.478.630 |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>49.262.736.268</i> | <i>80.506.077.832</i> |
| Công ty TNHH cung ứng nhựa đường | 8.667.285.000 | 15.267.498.800 |
| Công ty TNHH nhựa đường Puma Energy Việt Nam | 2.465.043.900 | 18.906.068.500 |
| Công ty cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu vật tư giao thông | 6.647.236.200 | 3.690.492.300 |
| Các nhà cung cấp khác | 31.483.171.168 | 42.642.018.232 |
| Cộng | 51.324.550.842 | 87.284.855.314 |

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| Tổng Công ty thương mại xuất nhập khẩu Thành Lễ - TNHH một thành viên | 468.665.910 | 468.665.910 |
| Công ty cổ phần khu công nghiệp Tân Bình | 219.119.033 | 473.873.000 |
| Công ty TNHH Chấn Dương | 278.086.008 | 237.674.880 |
| Doanh nghiệp tư nhân Quốc Toàn | 178.244.000 | - |
| Các khách hàng khác | 293.713.954 | 589.866.049 |
| Cộng | 1.437.828.905 | 1.770.079.839 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong kỳ | | Số cuối kỳ | |
|---|----------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------|----------------------|---------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 1.606.630.010 | (4.698.313) | 3.846.100.907 | (4.935.964.674) | 512.067.930 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.424.052.739 | (125.585.916) | 3.045.470.169 | (2.337.167.100) | 2.006.769.892 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 135.908.611 | (794.538) | 261.420.857 | (213.337.108) | 199.776.361 | (16.578.539) |
| Thuế tài nguyên | 280.143.637 | - | 1.251.171.673 | (1.361.678.321) | 169.636.989 | - |
| Các loại thuế khác | - | - | 9.389.505 | (9.389.505) | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác ⁽¹⁾ | 2.578.216.459 | - | 1.684.245.072 | (2.963.604.166) | 1.298.857.365 | - |
| Cộng | 6.024.951.456 | (131.078.767) | 10.097.798.183 | (11.821.140.874) | 4.187.108.537 | (16.578.539) |

⁽¹⁾ Trong đó, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã nộp trong kỳ là 2.496.955.000 VND và số còn phải nộp trước ngày 31 tháng 3 năm 2016 là 1.248.578.560 VND.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% do có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ VND theo hướng dẫn tại Thông tư 141/2013/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Ngoài ra, đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất bê tông nhựa nóng các loại; công bê tông cốt thép các loại; bê tông xi măng các loại; thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật, Công ty cổ phần bê tông Becamex có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh và thuế suất hiện hành trên thu nhập chịu thuế cho thời gian còn lại. Công ty cổ phần bê tông Becamex được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo. Năm 2008, là năm đầu tiên Công ty cổ phần bê tông Becamex hoạt động kinh doanh có lãi nhưng do thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh dưới 12 tháng nên Công ty cổ phần bê tông Becamex đăng ký với cơ quan thuế tính thời gian miễn, giảm thuế từ năm 2009.

Thu nhập khác của Công ty cổ phần bê tông Becamex và thu nhập của Công ty cổ phần khoáng sản Becamex phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 20.972.635.978 | 20.269.272.428 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 404.911 | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (1.084.211.868) | (2.510.624.992) |
| Thu nhập chịu thuế | 19.888.829.021 | 17.758.647.436 |
| Thu nhập được miễn thuế | - | - |
| Thu nhập tính thuế | 19.888.829.021 | 17.758.647.436 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 22% | 22% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 4.375.542.385 | 3.906.902.436 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông | (660.229.970) | (1.066.023.624) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm | (669.842.246) | (1.142.168.167) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 3.045.470.169 | 1.698.710.645 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế tài nguyên

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác. Thuế suất và đơn giá tính thuế tài nguyên như sau:

| | Thuế suất | Đơn giá /m ³ |
|---------------------|-----------|-------------------------|
| - Khai thác đá, sỏi | 7% | 110.000VND |
| - Khai thác đất | 4% | 20.000VND |

Các loại thuế khác, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

16. Phải trả người lao động

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Phải trả công nhân viên | 2.717.074.982 | 2.849.742.918 |
| Phải trả người lao động theo hợp đồng thời vụ | 51.861.829 | 67.490.185 |
| Cộng | 2.768.936.811 | 2.917.233.103 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả bên liên quan</i> | - | 595.645.189 |
| Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên – chi phí vận chuyển đá thành phẩm | - | 595.645.189 |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <u>2.245.104.371</u> | <u>1.698.939.312</u> |
| Chi phí sửa chữa | - | 492.700.000 |
| Chi phí xúc đá | 473.788.912 | 473.788.912 |
| Chi phí vận chuyển | 64.823.117 | 79.934.000 |
| Chi phí tiền công cưa đá | 102.720.000 | 92.320.000 |
| Chi phí cước đá nguyên liệu lên xe | 85.548.000 | 82.665.000 |
| Chi phí dịch vụ | 182.500.000 | 216.305.000 |
| Chi phí quà tặng | 50.000.000 | 82.000.000 |
| Chi phí tiền lương bổ sung | 1.030.993.535 | - |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 254.730.807 | 179.226.400 |
| Cộng | <u>2.245.104.371</u> | <u>2.294.584.501</u> |

18. Phải trả khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội | 324.027.338 | 264.519.853 |
| Nhận ký quỹ ngắn hạn | 65.000.000 | 57.000.000 |
| Chi phí duy tu, bảo dưỡng xe | 474.683.017 | 481.486.715 |
| Cổ tức phải trả | 1.695.421.000 | 56.551.000 |
| Vật tư, phụ tùng tạm nhập chưa có chứng từ | 111.839.692 | 151.166.977 |
| Phải trả tiền bảo đảm hợp đồng | 671.553.786 | 674.401.589 |
| Lãi vay phải trả | - | 10.233.820 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 378.714.895 | 503.846.602 |
| Cộng | <u>3.721.239.728</u> | <u>2.199.206.556</u> |

18b. Phải trả dài hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------------|
| Quyền khai thác khoáng sản | - | 1.248.497.712 |
| Phải trả dài hạn khác | 207.270 | - |
| Cộng | <u>207.270</u> | <u>1.248.497.712</u> |

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.8).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|-----------------------|-----------------------------|-----------------|
| Số đầu năm | 4.093.527.934 | - |
| Số tiền vay phát sinh | 9.755.962.685 | - |
| Số tiền vay đã trả | (6.028.412.354) | - |
| Số cuối kỳ | <u>7.821.078.265</u> | <u>-</u> |

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|-----------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| Quỹ khen thưởng | 1.693.776.188 | 1.947.846.659 | (4.022.256.003) | (380.633.156) |
| Quỹ phúc lợi | 68.273.770 | 136.426.230 | (239.700.000) | (35.000.000) |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 161.018.384 | - | (161.018.384) | - |
| Cộng | <u>1.923.068.342</u> | <u>2.084.272.889</u> | <u>(4.422.974.387)</u> | <u>(415.633.156)</u> |

Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt nguồn được trình bày ở chi tiêu Phải thu ngắn hạn khác (xem thuyết minh số V.4a).

21. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến chi phí cải tạo phục hồi môi trường. Chi tiết phát sinh như sau:

| | |
|-------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 1.445.702.633 |
| Tăng do trích lập | 74.733.720 |
| Số cuối kỳ | <u>1.520.436.353</u> |

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên | 73.367.040.000 | 73.367.040.000 |
| Các cổ đông khác | 26.632.960.000 | 26.632.960.000 |
| Cộng | <u>100.000.000.000</u> | <u>100.000.000.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**22c. Cổ phiếu**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 10.000.000 | 10.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 10.000.000 | 10.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 10.000.000 | 10.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 10.000.000 | 10.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã chia cổ tức năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 23 tháng 4 năm 2015 với số tiền là 25.000.000.000 VND.

Ngoài ra, Công ty cũng đã tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 với số tiền 1.995.566.223 VND.

23. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

| | |
|--|-----------------------|
| Số đầu năm | 24.108.854.712 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 2.215.756.762 |
| Giảm do chia cổ tức | (1.516.320.000) |
| Giảm do trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | (90.375.864) |
| Số cuối kỳ | <u>24.717.915.610</u> |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Doanh thu bán thành phẩm | 42.443.852.756 | 35.840.155.392 |
| Doanh thu thi công công trình | 77.315.204.686 | 97.424.494.897 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hóa | 3.183.444.473 | 1.337.235.604 |
| Doanh thu sản xuất đá | 34.681.118.021 | - |
| Cộng | <u>157.623.619.936</u> | <u>134.601.885.893</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------|----------------|
| Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên | | |
| Cung cấp dịch vụ | 121.313.011 | 78.028.379 |
| Bán thành phẩm | 45.804.613.210 | 28.049.417.960 |
| Bán hàng hóa | 42.144.880 | 247.389.360 |
| Cung cấp dịch vụ thi công công trình | 36.351.078.694 | 65.754.472.165 |
| Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương | | |
| Bán thành phẩm | 13.538.694.883 | 534.169.200 |
| Bán hàng hóa | - | 12.043.300 |
| Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương | | |
| Bán thành phẩm | 780.174.100 | 230.146.900 |
| Bán hàng hóa | 2.641.400 | 17.205.000 |
| Cung cấp dịch vụ thi công công trình | 299.123.763 | 8.944.251.451 |
| Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật | | |
| Cung cấp dịch vụ thi công công trình | 218.054.880 | 636.952.271 |
| Bán thành phẩm | 17.512.500 | - |
| Bán hàng hoá | 2.900.000 | 23.627.000 |
| Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex | | |
| Cung cấp dịch vụ | 3.909.100 | - |
| Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex | | |
| Bán hàng hóa | 7.992.000 | 580.000 |
| Cung cấp dịch vụ thi công công trình | - | 13.366.831 |
| Bán thành phẩm | - | 13.329.600 |
| Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước - môi trường Bình Dương | | |
| Cung cấp dịch vụ thi công công trình | 36.654.550 | - |
| Bán hàng hóa | 2.133.400 | 1.232.500 |
| Thành phẩm | 103.542.000 | 27.090.070 |
| Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt | | |
| Cung cấp hàng hóa, dịch vụ | 3.144.000 | - |
| Cung cấp dịch vụ thi công công trình | 270.702.432 | - |

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**3. Giá vốn hàng bán**

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp | 31.722.908.626 | 27.268.543.758 |
| Giá vốn của thi công công trình | 64.903.318.000 | 81.296.152.680 |
| Giá vốn của dịch vụ, hàng hóa đã cung cấp | 2.675.309.932 | 1.128.021.201 |
| Giá vốn sản xuất đá | 17.983.843.446 | - |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (13.352.141) | - |
| Cộng | 117.272.027.863 | 109.692.717.639 |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 222.590.278 | 839.522.222 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 81.904.327 | 82.559.486 |
| Chiết khấu thanh toán | - | 12.941.402 |
| Thu nhập khác | - | 2.510.624.992 |
| Cộng | 304.494.605 | 3.445.648.102 |

5. Chi phí bán hàng

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 1.910.638.468 | 1.468.003.167 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 1.302.308.367 | 1.243.931.825 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 43.730.491 | 11.088.498 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 7.293.718 | 68.803.941 |
| Chi phí sửa chữa, vận chuyển | 6.390.185.340 | 290.685.072 |
| Các chi phí khác | 907.766.546 | 496.362.954 |
| Cộng | 10.561.922.930 | 3.578.875.457 |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 5.293.218.863 | 2.647.451.039 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 94.932.818 | 147.376.930 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 184.410.235 | - |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 580.787.500 | 547.911.381 |
| Các chi phí khác | 2.683.890.984 | 1.862.918.424 |
| Cộng | 8.837.240.400 | 5.205.657.774 |

7. Thu nhập khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | - | 707.361.336 |
| Thu nhập từ bán điện | 96.915.010 | - |
| Thu nhập khác | 82.502.486 | 3.712.325 |
| Cộng | 179.417.496 | 711.073.661 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------|--------------------|------------------|
| Giá vốn tiền điện | 96.915.010 | - |
| Chi phí khác | 5.428.039 | 27.758 |
| Cộng | 102.343.049 | 27.758 |

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|--|--|------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ | 15.472.882.437 | 18.570.561.783 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | (2.328.668.807) | (2.794.869.548) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu | 13.144.213.630 | 15.775.692.235 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu | 1.314 | 1.578 |

9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng qui định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 1.857 VND xuống còn 1.578 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|----------------------------------|--|------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 102.131.689.511 | 97.866.152.921 |
| Chi phí nhân công | 19.092.409.218 | 12.228.160.677 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 6.725.789.650 | 4.548.168.565 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 16.205.056.562 | 4.193.876.252 |
| Chi phí khác | 4.022.878.407 | 1.560.127.665 |
| Cộng | 148.177.823.348 | 120.396.486.080 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh bắc Bình Dương là 402.614.606 VND (số đầu năm là 0 VND) và tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Bình Dương là 270.809.290 VND (số đầu năm là 0 VND) bị hạn chế sử dụng để đảm bảo cho việc ngân hàng phát hành Thư bảo lãnh cho Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng) của Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tiền lương | 684.799.077 | 707.805.332 |
| Tiền thưởng | 317.147.134 | 318.085.595 |
| Cộng | 1.001.946.211 | 1.025.890.927 |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác

Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên

Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật

Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương

Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương

Công ty cổ phần phát triển đô thị

Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước – môi trường Bình Dương

Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt

Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex

Mối quan hệ

Công ty mẹ

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty con của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương

Công ty con của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương

Công ty con của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên | | |
| Chi phí vận chuyển đá | 636.062.666 | - |
| Chi phí thuê đất | 104.991.432 | 102.587.782 |
| Phí quản lý | 124.432.155 | 122.076.576 |
| Thuê xe | 48.962.771 | - |
| Cổ tức phải trả | 18.341.760.000 | - |
| Mua cổ phiếu Công ty cổ phần khoáng sản Becamex | - | 49.275.600.000 |
| Mua cổ phiếu Công ty cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi Bình Dương | - | 1.647.500.000 |
| Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương | | |
| Mua nguyên vật liệu | 1.508.551.625 | 971.942.871 |
| Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex | | |
| Mua nguyên vật liệu | 3.895.455 | 225.444.545 |
| Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex | | |
| Mua nguyên vật liệu | 3.866.100 | 13.301.000 |
| Công ty cổ phần phát triển đô thị | | |
| Mua nguyên vật liệu | - | 538.058.250 |
| Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật | | |
| Mua hàng hóa | - | 40.000.000 |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.13 và V.17.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh cốt thành phẩm: sản xuất và kinh doanh ống công thoát nước các loại.
- Lĩnh vực thi công công trình: trải thảm nhựa đường, thi công thảm bê tông xi măng, thi công sơn đường và lắp đặt cống.
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa: mua bán vật liệu xây dựng và cho thuê xe, máy móc thiết bị.
- Lĩnh vực sản xuất đá: đá dùng trong xây dựng thi công công trình.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục 02 đính kèm.

2b. Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu ở miền Nam Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

Các chỉ tiêu được trình bày lại như sau:

| | Số liệu trước trình bày lại | Trình bày lại | Số liệu sau khi trình bày lại |
|---|--------------------------------|------------------|----------------------------------|
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ | | | |
| Phải thu ngắn hạn khác | 194.883.848 | 142.620.937 | 337.504.785 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 142.620.937 | (142.620.937) | - |
| Phải thu dài hạn khác | - | 2.043.572.400 | 2.043.572.400 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 1.357.163.005 | (597.869.767) | 759.293.238 |
| Tài sản dài hạn khác | 2.043.572.400 | (2.043.572.400) | - |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 4.338.156.901 | (2.043.572.400) | 2.294.584.501 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | - | 1.445.702.633 | 1.445.702.633 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 36.521.610.826 | 16.346.947.687 | 52.868.558.513 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 16.346.947.687 | (16.346.947.687) | - |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ | | | |
| Thu nhập khác | 1.458.257.870 | (747.184.119) | 711.073.661 |
| Chi phí khác | 747.211.877 | (747.184.119) | 27.758 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính. Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|------------------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 40.899.830.907 | - | 39.481.629.482 | - |
| Phải thu khách hàng | 108.464.954.791 | (479.743.013) | 165.233.318.975 | (479.743.013) |
| Các khoản phải thu khác | 2.059.942.400 | - | 2.059.942.400 | - |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 26.547.500.000 | - | 26.547.500.000 | - |
| Cộng | 177.972.228.098 | (479.743.013) | 233.322.390.857 | (479.743.013) |

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá | Đã quá hạn nhưng không giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|------------------------|
| | Số cuối kỳ | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 40.899.830.907 | - | - | 40.899.830.907 |
| Phải thu khách hàng | 107.121.665.762 | 554.701.532 | 788.587.497 | 108.464.954.791 |
| Các khoản phải thu khác | 2.059.942.400 | - | - | 2.059.942.400 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 26.547.500.000 | - | - | 26.547.500.000 |
| Cộng | 176.628.939.069 | 554.701.532 | 788.587.497 | 177.972.228.098 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u> | <u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u> | <u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------------------|---|--|---|------------------------|
| Số đầu năm | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 39.481.629.482 | - | - | 39.481.629.482 |
| Phải thu khách hàng | 164.621.067.128 | - | 612.251.847 | 165.233.318.975 |
| Các khoản phải thu khác | 2.059.942.400 | | | 2.059.942.400 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 26.547.500.000 | - | - | 26.547.500.000 |
| Cộng | 232.710.139.010 | - | 612.251.847 | 233.322.390.857 |

Chi tiết thời gian quá hạn của khoản phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá là quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | <u>Từ 1 năm trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-----------------------|
| Số cuối kỳ | | | |
| Vay và nợ | 7.821.078.265 | - | 7.821.078.265 |
| Phải trả người bán | 51.324.550.842 | - | 51.324.550.842 |
| Các khoản phải trả khác | 5.530.946.865 | 1.520.643.623 | 7.051.590.488 |
| Cộng | 64.676.575.972 | 1.520.643.623 | 66.197.219.595 |
| Số đầu năm | | | |
| Vay và nợ | 4.093.527.934 | - | 4.093.527.934 |
| Phải trả người bán | 87.284.855.314 | - | 87.284.855.314 |
| Các khoản phải trả khác | 4.201.043.919 | 1.445.702.633 | 5.646.746.552 |
| Cộng | 95.579.427.167 | 1.445.702.633 | 97.025.129.800 |

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn chỉ có các khoản vay có lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 7.821.078.265 VND (số đầu năm là 4.093.527.934 VND).

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

4d. *Tài sản đảm bảo*

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kỳ kế toán

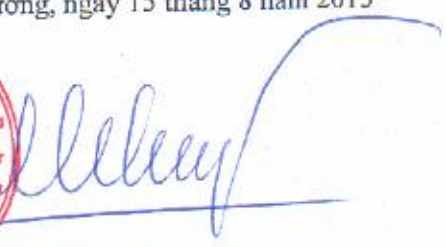
Ngày 01 tháng 7 năm 2015 Công ty mua 900.000 cổ phiếu Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình (công ty con gián tiếp) với tổng trị giá là 9,616.500.000 VND. Đến ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được phê chuẩn việc chuyển nhượng đã được hoàn tất.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Bình Dương, ngày 15 tháng 8 năm 2015


Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thủy Vân
Kế toán trưởng


Nguyễn Hồng Tuyên
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--|---------------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 100.000.000.000 | 1.527.143.181 | 9.055.511.950 | 47.805.156.246 | 39.387.621.655 | 197.775.433.032 |
| Lợi nhuận trong kỳ trước | - | - | - | - | 18.570.561.783 | 18.570.561.783 |
| Chia cổ tức trong kỳ trước | - | - | - | - | (30.000.000.000) | (30.000.000.000) |
| Trích lập các quỹ trong kỳ trước | - | - | - | - | (2.408.990.519) | (2.408.990.519) |
| Số dư cuối kỳ trước | 100.000.000.000 | 1.527.143.181 | 9.055.511.950 | 47.805.156.246 | 25.549.192.919 | 183.937.004.296 |
| Số dư đầu năm nay | 100.000.000.000 | 1.527.143.181 | 9.055.511.950 | 52.868.558.513 | 36.546.304.379 | 199.997.518.023 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | - | - | 15.472.882.437 | 15.472.882.437 |
| Chia cổ tức trong kỳ này | - | - | - | - | (25.000.000.000) | (25.000.000.000) |
| Trích lập các quỹ trong kỳ này | - | - | - | 61.795.970 | (2.097.099.231) | (2.035.303.261) |
| Trích thù lao HĐQT và Ban kiểm soát trong kỳ này | - | - | - | - | (101.087.706) | (101.087.706) |
| Số dư cuối kỳ này | 100.000.000.000 | 1.527.143.181 | 9.055.511.950 | 52.930.354.483 | 24.820.999.879 | 188.334.009.493 |


Văn Thị Anh Đào
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Thủy Vân
 Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 15 tháng 8 năm 2015


NGUYỄN HỒNG TUYẾN
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

| | Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm | Lĩnh vực thi công công trình | Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa | Lĩnh vực sản xuất đã | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|-------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Kỳ này | | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 42.316.458.420 | 77.315.204.686 | 3.183.444.473 | 34.681.118.021 | - | 157.496.225.600 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | 352.454.170 | 27.075.000 | 997.017.638 | (1.376.546.808) | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 42.316.458.420 | 77.667.658.856 | 3.210.519.473 | 35.678.135.659 | (1.376.546.808) | 157.496.225.600 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 8.112.641.158 | 11.044.785.266 | 847.612.746 | 16.710.626.716 | - | 36.715.665.886 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | | (15.890.631.479) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | | 20.825.034.407 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | | 304.494.605 |
| Chi phí tài chính | | | | | | (233.967.481) |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | | | | | | - |
| Thu nhập khác | | | | | | 179.417.496 |
| Chi phí khác | | | | | | (102.343.049) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | | (3.045.470.169) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | | (238.526.610) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | | 17.688.639.199 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 1.265.596.000 | 239.976.000 | - | 734.571.670 | - | 2.240.143.670 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 1.620.938.161 | 2.179.219.496 | - | 2.657.932.380 | - | 6.458.090.037 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | - | - | - | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

| | Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm | Lĩnh vực thi công công trình | Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa | Lĩnh vực sản xuất đá | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|--|---------------------------------|---|-------------------------|-----------------------|------------------------|
| Kỳ trước | | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 35.828.098.792 | 97.424.494.897 | 1.337.235.604 | - | - | 134.589.829.293 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phần | - | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 35.828.098.792 | 97.424.494.897 | 1.337.235.604 | - | - | 134.589.829.293 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 8.559.555.034 | 16.128.342.217 | 209.214.403 | - | - | 24.897.111.654 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | - | (8.784.533.231) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | - | - | - | - | - | 16.112.578.423 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | - | - | - | - | - | 3.445.648.102 |
| Chi phí tài chính | - | - | - | - | - | - |
| Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | - | - | - | - | - | - |
| Thu nhập khác | - | - | - | - | - | 711.073.661 |
| Chi phí khác | - | - | - | - | - | (27.758) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - | - | - | - | (1.698.710.645) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | - | - | - | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - | - | - | - | 18.570.561.783 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 412.535.455 | 1.305.125.300 | - | - | - | 1.717.660.755 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 1.570.022.323 | 2.453.391.047 | - | - | - | 4.024.013.370 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | - | - | - | - | - | - |

9815
G TY
M HỮU
VÀ T U
x C
H O C

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

| Đơn vị tính: VND | | | | | |
|---|-------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|----------------------|------------------------|
| Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau: | | | | | |
| | Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm | Lĩnh vực thi công công trình | Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa | Lĩnh vực sản xuất đá | Các khoản loại trừ |
| Số cuối kỳ | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 46.267.395.906 | 73.880.603.241 | 302.799.564 | 102.557.561.260 | (943.016.451) |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | 66.013.072.665 |
| Tổng tài sản | | | | | 288.078.416.185 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 5.922.182.306 | 26.294.484.977 | - | 21.411.403.136 | (943.016.451) |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | 52.685.053.968 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 22.341.437.114 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 35.822.038.737 | 127.001.602.936 | 93.784.931 | 90.837.449.559 | (353.313.046) |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | 82.028.170.875 |
| Tổng tài sản | | | | | 335.429.733.992 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 3.641.762.023 | 59.501.825.740 | - | 16.631.958.862 | (353.313.046) |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | 79.422.233.579 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 31.901.127.678 |
| | | | | | 111.323.361.257 |


Nguyễn Thị Thủy Vân
Kế toán trưởng


CÔNG TY CỔ PHẦN BÉ TÔNG BECAMEX
TX. BẾN CÁT - TỈNH BÌNH DƯƠNG
Mã số thuế: 310093368
Địa chỉ: Bình Dương, ngày 15 tháng 8 năm 2015
Nguyễn Hồng Tuyên
Tổng Giám đốc


Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu